

**UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNN-KL

Hà Tĩnh, ngày tháng 8 năm 2022

V/v báo cáo kết quả kiểm tra và trình
phê duyệt Phương án quản lý rừng
bền vững GD 2022 - 2031 của Trung tâm
nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Ngày 12/7/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 24/TTr-CHESH của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao giai đoạn 2022 - 2031 (kèm theo hồ sơ); Sau khi soát xét, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả kiểm tra Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022 - 2031 của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao với các nội dung như sau:

1. Các căn cứ xây dựng và phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững:

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10 /2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng; các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quá trình kiểm tra hồ sơ phương án: Ngày 18/11/2021, Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao có Tờ trình số 33/TTr-CHESH gửi Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao đoạn 2021 - 2030 (kèm theo hồ sơ); Ngày 26/11/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Văn bản số 2950/SNN-KL về việc xin ý kiến góp ý của các sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các sở ngành, địa phương, đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4967/STNMT-ĐĐ₁ ngày 03/12/2021, Sở Tài chính tại Văn bản số 5083/STC-HCSN ngày 30/11/2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3281/SKHĐT-TH ngày 01/12/2021, Sở Xây dựng tại Văn bản số 3660/SXD-QHHT₁ ngày 30/11/2021, Sở Công thương tại Văn bản số 2014/SCT-QLNL ngày 29/11/2021; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tại Văn bản số 1569/SVHTTDL-DL ngày 02/11/2021, UBND huyện Hương Sơn tại Văn bản số 1891/UBND-NN ngày 30/11/2021); Sở Nông nghiệp và PTNT đã văn bản số 957/SNN-KL ngày 09/12/2021 về việc trả hồ sơ cho Trung tâm do chưa đủ điều kiện thẩm định và đề nghị Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn vùng cao tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở ngành để bổ sung, hoàn thiện phương án.

Sau khi nhận được Tờ trình số 24/TTr-CHESH (nêu trên) của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao, Sở Nông nghiệp PTNT tiếp tục ban hành Văn bản số 1401/SNN-KL ngày 14/7/2022 gửi các sở ngành và địa phương liên quan về việc cho ý kiến Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022- 2031 của Trung tâm nghiên cứu sinh thái vùng cao (lần 2, kèm giải trình của Trung tâm nghiên cứu Sinh thái Nhân văn vùng cao). Trên cơ sở ý kiến góp ý của các sở ngành, địa phương, đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2579/STNMT-ĐĐ₁ ngày 21/7/2022, Sở Tài chính tại Văn bản số 2919/STC-HCSN ngày 22/7/2022; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1993/SKHĐT-TH ngày 25/7/2022, Sở Xây dựng tại Văn bản số 1812/SXD-QHHT₁ ngày 26/7/2022; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tại Văn bản số 1108/SVHTTDL-DL ngày 25/7/2022, UBND huyện Hương Sơn tại Văn bản số 964/UBND-NN ngày 25/7/2022); Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung các ý kiến góp ý của các ngành, địa phương (có giải trình số 27/CV-CHESH ngày 05/8/2022 của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao kèm theo). Đến nay Sở Nông nghiệp và PTNT đã kiểm tra, tổng hợp ý kiến và đưa ra nội dung chính của Phương án như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Tên chủ rừng: Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao (gọi tắt là Trung tâm)

2. Địa chỉ: Khu khu Nậm Sốt, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Trung tâm Nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao là tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam được UBND tỉnh Hà Tĩnh giao quản lý rừng và đất rừng tại Tiểu khu: 70, 72 thuộc khu vực Rào Àn, sông Ngàn Phố, nằm trên địa giới hành chính của xã Sơn Kim 1 và xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn (tại Quyết định số 1230/QĐ/UB-NL₃ ngày 05/6/2002) để nghiên cứu và phát triển Mô hình bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên rừng tại lưu vực đầu nguồn sông Ngàn Phố (gọi là mô hình HEPA).

Chức năng, nhiệm vụ: Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao có chức năng thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ phát triển rừng; bảo tồn, phát huy các giá trị đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật, bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn sinh thái; các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan; tổ chức nghiên cứu khoa học, hợp tác Quốc tế, cứu hộ và phát triển sinh vật; giáo dục nâng cao nhận thức môi trường, phát triển du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ: Thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 76 Luật Lâm nghiệp.

II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG.

1. Vị trí, diện tích:

1.1. Vị trí: Lâm phần thuộc Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao quản lý nằm tại tiểu khu: 70, xã Sơn Kim 1; 72, xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Diện tích: 310,7 ha.

- Phân theo chức năng:

+ Quy hoạch đất rừng phòng hộ: 179,4 ha (tiểu khu 70: 130,45 ha, tiểu khu 72: 48,95 ha).

+ Quy hoạch đất rừng sản xuất: 131,3 ha (tiểu khu 70).

- Phân theo hiện trạng:

Toàn bộ diện tích rừng đơn vị quản lý theo kết quả theo dõi Diễn biến rừng năm 2021 là rừng tự nhiên lá rộng, thường xanh, trong đó rừng giàu 2,75 ha, rừng trung bình 114,32 ha; rừng nghèo 193,63 ha.

2. Tổng trữ lượng các loại rừng:

Tổng trữ lượng gỗ: 30.678 m³, bình quân 99m³/ha, Gồm:

+ Tổng trữ lượng rừng giàu: 582 m³, trữ lượng bình quân 212m³/ha.

+ Tổng trữ lượng rừng trung bình: 19.954 m³, trữ lượng bình quân 175 m³/ha;

+ Tổng trữ lượng rừng nghèo: 10.142 m³, trữ lượng bình quân 52 m³/ha.

III. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN.

1. Mục tiêu chung.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 310,7 ha rừng và đất lâm nghiệp hiện có, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thực hiện quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng; nâng cao chất lượng, giá trị của rừng; cung ứng các dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, thu nhập cho lao động của đơn vị và người dân địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo và nâng cao giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất Lâm nghiệp trên địa bàn.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, duy trì nguồn gen đa dạng sinh học trên diện tích đất rừng quy hoạch cho phòng hộ và sản xuất được giao.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về môi trường

- Nâng cao chất lượng rừng, độ che phủ của thảm thực vật, đảm bảo khả năng phòng hộ, tăng khả năng bảo vệ nguồn nước, hạn chế thiên tai, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phấn đấu đến năm 2031, trên lâm phần đơn vị quản lý có trên 100 ha rừng tự nhiên trữ lượng giàu.

- Duy trì bảo vệ, phát triển rừng bền vững đối với diện tích đất rừng được giao quản lý; bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ các loài động vật và thực vật quý hiếm, đặc hữu.

- Bảo vệ môi trường cảnh quan, chống xói mòn sạt lở, tăng nguồn nước ngầm điều tiết trong lòng đất, góp phần bảo đảm chức năng phòng hộ rừng đầu nguồn sông Ngàn Phố và ứng phó với biến đổi khí hậu và năng lực hấp thụ CO₂.

2.2. Mục tiêu về xã hội

- Tạo nhiều công ăn việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động của đơn vị và cho người dân địa phương sống gần và ven rừng thông qua các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và du lịch sinh thái.

- Tạo ra được mô hình nghiên cứu và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng, bảo tồn được tính đa dạng sinh học tự nhiên.

- Chuyển giao khoa học kỹ thuật thông qua các mô hình trồng trọt chăn nuôi, nông lâm kết hợp dưới tán rừng mang lại hiệu quả kinh tế cao theo phương thức canh tác sinh thái, tạo ra hàng hóa nông sản sạch an toàn.

- Tạo ra địa bàn nghiên cứu trao đổi học tập kinh nghiệm của các tổ chức trong và ngoài nước. Là trường học cho học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu cũng như các nhà lập định chính sách về bảo tồn và phát triển bền vững rừng theo quan điểm biện chứng của sinh thái nhân văn.

- Tạo ra môi trường để nuôi dưỡng mối quan hệ sinh thái nhân văn giữa con người với tự nhiên góp phần ổn định an ninh, chính trị, xã hội vùng biên giới.

- Tạo hiệu ứng, khuyến khích cộng đồng địa phương, vùng lân cận cũng như các tổ chức quản lý rừng trong tỉnh cùng tham gia quản lý rừng bền vững.

2.3. Mục tiêu về kinh tế:

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất rừng được giao.

- Nâng cao chất lượng rừng thông qua việc làm giàu rừng, trồng bổ sung cây bản địa, làm tăng chất lượng rừng và các loài phi gỗ dược liệu.

- Tạo nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ như: dịch vụ môi trường rừng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, du lịch sinh thái, lâm sản ngoài gỗ... góp phần hỗ trợ tái đầu tư cho mô hình.

- Xây dựng được mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ có hiệu quả kinh tế cao để nhân rộng cho các hộ dân ngoài khu vực rừng của đơn vị.

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn với trải nghiệm thiên nhiên.

IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN:

1. Kế hoạch sử dụng đất:

- Giai đoạn 2022 - 2031, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của đơn vị ổn định, không có sự thay đổi. Tổng diện tích 310,7 ha (gồm: quy hoạch rừng phòng hộ 179,4 ha; quy hoạch rừng sản xuất 131,3 ha) tại các Tiểu khu: 70, xã Sơn Kim 1; 72, xã Sơn Kim 2.

* Kế hoạch sử dụng đất của đơn vị sẽ được điều chỉnh khi có sự thay đổi quy hoạch sử dụng đất của các địa phương theo đúng quy định.

2. Xác định khu vực loại trừ và khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng sản xuất

Toàn bộ diện tích rừng của đơn vị được quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đơn vị không có diện tích sản xuất, kinh doanh doanh rừng sản xuất.

3. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ.

Toàn bộ diện tích đất, rừng của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn Vùng cao đang quản lý (sử dụng tại Mô hình HEPA) là 310,7 ha, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng, không tổ chức giao khoán cho các hộ gia đình, cá nhân.

4. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học.

4.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

a. Bảo vệ rừng.

- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có: 310,7 ha; trong đó: Rừng phòng hộ: 131,3 ha; rừng sản xuất: 179,4 ha.

- Tổng khối lượng diện tích đưa vào phương án bảo vệ rừng là 3.107 lượt ha/10 năm.

*** Phương thức tổ chức thực hiện:**

- Đơn vị tiến hành phân chia toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý thành 5 phân khu (khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3, khu vực 4, khu vực 5) và giao trách nhiệm quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên các khu vực này cho các tổ do đơn vị thành lập.

- Các tổ bảo vệ rừng có trách nhiệm nắm chắc tình hình về quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn được giao trách nhiệm quản lý (*xác định các khu vực trọng điểm về cháy rừng, khai thác gỗ trái phép, lấn chiếm đất rừng*; thường xuyên tuần tra, kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời việc rừng bị xâm hại xảy ra, thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng tại gốc.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị với chính quyền địa phương, các ngành chức năng, chủ rừng giáp ranh và các tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong hoặc gần rừng thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo vệ rừng - PCCCR trên địa bàn.

- Đầu tư xây dựng, tu sửa, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị nâng cao điều kiện sinh hoạt, làm việc cho khu vực văn phòng và các tổ đội bảo vệ rừng.

- Đa dạng hóa công tác tuyên truyền về luật lâm nghiệp để người dân trên địa bàn ý thức hơn trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

b. Kế hoạch xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng.

Hàng năm, Trung tâm thực hiện rà soát toàn bộ diện tích, hiện trạng đất, rừng được giao quản lý để xây dựng Phương án bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng sát, đúng với thực tế, gửi Hạt Kiểm lâm huyện Hương Sơn, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ sở tại và các đơn vị có liên quan cho ý kiến để hoàn chỉnh, phê duyệt và tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Một số giải pháp cụ thể: Lập chốt, trạm bảo vệ; Bố trí nhân lực bảo vệ. Căn cứ phương án phòng cháy chữa cháy rừng, tổ bảo vệ thường trực chủ động triển khai các biện pháp cụ thể đồng bộ để sẵn sàng thực thi nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra, đặc biệt vào mùa cao điểm.

c. Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

Dự tính, dự báo sớm và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại rừng kịp thời. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sinh vật gây hại gây ra, góp phần nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn giá trị ĐDSH.

d. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

Diện tích khu rừng bảo tồn đa dạng sinh học là 310,7 ha được thể hiện trên bản đồ số hóa. Để thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên lâm phần được giao quản lý, thời gian tới Trung tâm sẽ triển khai các hoạt động sau:

- Kiểm kê, đo đếm, đánh dấu kỹ thuật số và lập hồ sơ cho tất cả các cá thể cây, loài, chi, họ, nhóm thực vật điển hình, chủ đạo, bản địa và động vật rừng có trên diện tích rừng của Mô hình HEPA trong từng thời điểm.

- Giám sát định kỳ việc bảo tồn đa dạng sinh học khu rừng bằng phương pháp thống kê dựa trên kết quả điều tra (*ghi theo mẫu phiếu giám sát động, thực vật rừng*), qua đó phát hiện giống loài, nhân tố mới... nhằm đề xuất biện pháp bảo vệ, bảo tồn hợp lý.

- Tổng hợp kết quả giám sát làm căn cứ rà soát, bổ sung đa dạng sinh học cho từng phân khu hoặc toàn bộ khu rừng có giá trị bảo tồn cao, giúp cho công tác nghiên cứu, nhân giống, lưu trữ, bảo tồn nguồn gen, góp phần xây dựng ngân hàng gen cho các thế hệ mai sau.

4.2. Kế hoạch phát triển rừng.

Toàn bộ diện tích rừng tại Mô hình HEPA của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao được đơn vị sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học và bảo tồn tính đa dạng sinh học. Vì vậy, kế hoạch phát triển rừng của Trung tâm CHESH giai đoạn 2022 - 2031 chỉ thực hiện nội dung làm giàu rừng.

4.2.1. Làm giàu rừng tự nhiên

a) Làm giàu rừng tự nhiên phòng hộ:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 29/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh.

- Đối tượng: 49,56 ha rừng tự nhiên phục hồi có cây gỗ đạt chiều cao tham gia vào tán rừng với số lượng dưới 400 cây/ha hoặc cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 01 m với số lượng dưới 500 cây/ha. Cây gỗ và cây tái sinh mục đích phân bố không đều trên toàn bộ diện tích.

- Khu vực và kế hoạch thực hiện: các khu vực thực hiện được thể hiện cụ thể trên bản đồ; kế hoạch thực hiện các năm theo Biểu kèm theo.

- Biện pháp kỹ thuật: Biện pháp kỹ thuật làm giàu rừng được thực hiện theo khoản 2, Điều 7, Thông tư số 29/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

- Thực hiện làm giàu rừng theo đám. Thực hiện làm giàu rừng theo đám ở những nơi có khoảng trống từ 1.000m² đến dưới 3.000 m²;

- Biện pháp kỹ thuật: Thực hiện làm giàu rừng theo băng theo đám, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng khu vực để áp dụng biện pháp phù hợp. Thực

hiện làm giàu rừng theo đám ở những nơi có khoảng trống từ 1.000m² đến dưới 3.000 m²; thực hiện làm giàu rừng theo băng ở những nơi có khoảng trống dưới 1.000m².

+ *Biện pháp kỹ thuật làm giàu rừng theo băng:*

++ Tạo băng trồng cây (băng chặt): thực hiện ở những khoảng trống có diện tích dưới 1.000 m² hoặc những nơi cây rừng phân bố không đều;

Bố trí băng trồng theo đường đồng mức ở nơi có độ dốc cao trên 25°, nơi dưới 25° bố trí băng theo hướng đông tây;

Căn cứ vào tính chịu bóng của cây trồng và chiều cao của cây trong băng chừa để xác định chiều rộng băng trồng hợp lý, chiều rộng của băng trồng tối thiểu bằng 2/3 chiều cao tán rừng của băng chừa;

Phát dọn cây trong băng chặt nhưng để lại những cây mục đích.

++ Băng chừa: bề rộng băng từ 6 – 12m, trong băng thực hiện các biện pháp phát dây leo, cây bụi, chặt bỏ cây cong queo sâu bệnh, không làm vỡ tầng tán của băng chừa.

++ Loài cây trồng: cây bản địa có giá trị kinh tế và phòng hộ đáp ứng mục đích sản xuất, kinh doanh như Lim, giổi, công, dẻ....

++ Tiêu chuẩn cây trồng: Trồng bằng cây con gieo từ hạt, có bầu, chiều cao cây con từ 0,5 m trở lên.

++ Thời vụ trồng: vụ Thu Đông và vụ Đông Xuân.

++ Mật độ trồng: mật độ trồng tối đa 500 cây/ha, mỗi băng trồng tối thiểu 01 hàng cây.

++ Kích thước hố trồng từ 30 x 30 x 30 cm trở lên.

+ *Biện pháp kỹ thuật làm giàu rừng theo đám:*

++ Loài cây trồng: cây bản địa có giá trị kinh tế, đáp ứng mục đích sản xuất, kinh doanh như Lim, giổi, công, dẻ....

+ Tiêu chuẩn cây trồng: Trồng bằng cây con gieo từ hạt, có bầu, chiều cao cây con từ 0,5 m trở lên.

+ Thời vụ trồng: vụ Thu Đông và vụ Đông Xuân.

+ Mật độ trồng: tối đa 500 cây/ha; vị trí cây trồng cách mép rừng từ 3 – 4m và cách những cây tái sinh mục đích có sẵn với cự ly thích hợp, đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng tốt.

+ Kích thước hố trồng: từ 30 x 30 x 30 cm trở lên.

- Chăm sóc rừng trồng:

+ Thực hiện chăm sóc rừng trong 05 năm đầu sau khi trồng tùy từng loài cây, mỗi năm chăm sóc ít nhất 02 lần. Nội dung công việc: trồng dặm, phát dây leo, cỏ dại xâm lấn trên khu trồng, vun xới đất xung quanh gốc cây trồng theo hình tròn có đường kính từ 0,6 m trở lên.

+ Từ năm thứ tư trở đi đến khi cây trồng đạt chiều cao từ 08 m trở lên, thực hiện chăm sóc ít nhất mỗi năm 01 lần, với các công việc chặt tỉa cây chồi, cây tạp tái sinh xâm lấn.

b. Làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất

- Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 29/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Đối tượng: Diện tích 33,41 ha rừng tự nhiên có số lượng cây gỗ tầng cao, chất lượng tốt dưới 500 cây/ha hoặc cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 01m với số lượng dưới 1.000 cây/ha; cây gỗ và cây tái sinh mục đích phân bố tương đối đều trên toàn bộ diện tích.

- Khu vực và kế hoạch thực hiện: các khu vực thực hiện được thể hiện cụ thể trên bản đồ; kế hoạch thực hiện các năm theo Biểu kèm theo.

- Biện pháp kỹ thuật: Thực hiện làm giàu rừng theo băng theo đám, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng khu vực để áp dụng biện pháp phù hợp. Thực hiện làm giàu rừng theo đám ở những nơi có khoảng trống từ 1.000m² đến dưới 3.000 m²; thực hiện làm giàu rừng theo băng ở những nơi có khoảng trống dưới 1.000m². Thực hiện như làm giàu rừng tự nhiên phòng hộ nhưng trên đối tượng đất rừng tự nhiên sản xuất và trồng dặm những cây có giá trị kinh tế cao hơn như Cồng, Dổi....

4.3. Kế hoạch khai thác lâm sản

a. Kế hoạch khai thác lâm sản

Toàn bộ diện tích rừng được giao của Trung tâm CHESH là để xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học, vì vậy sẽ không thực hiện khai thác lâm sản trong giai đoạn từ 2022 - 2031 trừ khi các cây gỗ bị đổ gãy, chết. Trung tâm CHESH sẽ lập kế hoạch khai thác tận thu đưa vào sửa chữa các khu đào tạo, chòi canh gác và nơi ăn nghỉ của cán bộ công nhân viên, trình tự thủ tục khai thác thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

b. Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ

- Thực hiện khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên như các loài dược liệu phân bố rải rác trong các khu rừng tự nhiên thuộc quản lý của Trung tâm.

- Trung tâm cho người dân sống gần khu vực rừng của Trung tâm thực hiện khai thác lâm sản ngoài gỗ theo hình thức nhỏ lẻ, dưới sự kiểm tra, giám sát của Trung tâm. Không thực hiện khai thác lâm sản ngoài gỗ số lượng lớn.

4.4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.

a. Danh mục, kế hoạch triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2022 - 2031, Trung tâm CHESH dự kiến sẽ triển khai các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học như sau:

- Điều tra, thống kê, hệ thống hóa cơ sở dữ liệu đánh giá toàn diện về diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học tại Mô hình HEPA.

- Biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo về bảo tồn đa dạng sinh học, canh tác theo phương thức nương tựa vào hệ sinh thái rừng và ứng dụng quy hoạch hệ thống trong phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái.

- Điều tra, khảo sát, bảo tồn, sử dụng và phát triển giống cây trồng, vật nuôi bản địa, các giống loài đặc hữu có giá trị kinh tế cao vùng đầu nguồn sông Ngàn Phố và huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh.

- Điều tra, khảo sát, bảo tồn, sử dụng và phát triển tập đoàn cây thuốc nam trong Mô hình HEPA và vùng phụ cận.

- Điều tra, thống kê, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng HEPA sau 25 năm được giao đất, giao rừng.

- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu vực rừng HEPA.

b. Đào tạo nguồn nhân lực.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ Ban quản lý Vườn, gồm: Đào tạo cán bộ sau đại học và đào tạo đại học cho các cán bộ có năng lực trong công tác và có nguyện vọng học tập nghiên cứu và công tác lâu dài ở VQG; Đào tạo cán bộ chuyên sâu về động vật, thực vật; về công tác cứu hộ, bảo tồn các loài động thực vật; bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ phát triển DLST cho cán bộ ở Trung tâm; nâng cao trình độ tiếng anh cho người lao động thuộc Trung tâm; đào tạo nhân viên quản lý sử dụng Website và quản trị mạng; đào tạo nâng cao công tác tài chính - kế hoạch...

4.5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a. Dự kiến các địa điểm, khu vực tổ chức hoặc liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Do chức năng và mục tiêu của Mô hình HEPA là bảo tồn đa dạng sinh học rừng đầu nguồn nên việc tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái đều tuân thủ theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến bất kỳ một yếu tố nào trong sự phát triển bình thường của hệ sinh thái rừng. Các địa điểm, khu vực dự kiến bố trí và xác định cụ thể như sau:

- Khu vực 1: Vườn Tâm linh Huyền Vi

Khu vực này nằm sát đường trục Quốc lộ 8, cách trung tâm Rào Àn khoảng 2,7 km theo đường vận hành nội bộ (6 km nếu đi vòng ra theo đường 8). Đây là vùng đã được bảo tồn và lưu giữ thành một khu rừng với nhu cầu phụng dưỡng các linh hồn của thiên nhiên và các chiến sĩ bộ đội, thanh niên xung phong đã hy sinh trong cuộc chiến tranh chống Mỹ .

- Khu vực 2: Vườn sinh kế sinh thái thượng uyển

Cách trung tâm Rào Àn khoảng 01 km trên đường nội bộ đi Huyền Vi là khu rừng thuộc vùng chân núi Chông, địa hình uốn lượn, cảnh quan đặc trưng của Mô hình HEPA (có núi, khe, kè, đông núi, bãi) dưới tán rừng tự nhiên được giàu hóa bởi nhiều tầng tán của các loài cây rừng bản địa với chức năng rất khác nhau. Vùng dưới chân rừng là những nếp nhà sàn truyền thống của dân tộc Thái, những ao hồ tụ nước được hình thành từ nguyên tắc quy hoạch hệ thống của hệ sinh thái, là nơi nuôi dưỡng các loài cá, ốc, ếch và tôm khác nhau, xen lẫn là ruộng bậc thang, kênh

mương theo mô hình canh tác trên đất dốc với hàng chục giống loài cây nông lâm nghiệp địa phương.

- Khu vực 3: Làng nghề Linh Mộc.

Nằm kề ngay khu trung tâm Rào Àn trên đường đi khu sinh thái Thượng Uyển là vùng rừng tái sinh tự nhiên và được làm giàu bằng các loài cây lâm nghiệp bản địa quý hiếm như lim xanh, de, dổi... phần dưới chân núi địa hình khá bằng phẳng và rừng đã khép tán rất xanh tốt, là nơi rất thích hợp cho khách thư giãn và dã ngoại, tìm hiểu về động thực vật rừng, những loài đặc hữu quý hiếm, v.v... Và điều đặc biệt là du khách được sống trong những căn nhà sàn truyền thống (cùng với khu Thượng Uyển) trên những sườn dốc dưới những tán rừng sum suê nhiều tầng tán, được trải nghiệm về một số nghề thủ công truyền thống như nghề mộc, nghề rèn, thêu thùa, đan lát của các dân tộc thiểu số.

- Khu vực 4: Vườn Âm thực Văn hóa Sinh thái Rào Àn.

Là khu vực đón tiếp đầu tiên khi đến với Mô hình HEPA, được bố trí dọc khe Rào Àn trên đường trục chính của Mô hình HEPA (dài khoảng 01 km) với địa hình tương đối bằng phẳng và phong cảnh “sơn thủy hữu tình”. Khu vực này đã có cơ sở vật chất đủ để phục vụ các hoạt động nghiên cứu, tham quan trải nghiệm nông nghiệp sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Khu vực 5: Sinh kế Cộng đồng Thung lũng Giác ngộ.

Là khu cuối cùng khi đi hết con đường trục chính nội vùng, vượt qua khe Soong là tới. Đây là vùng có không gian rộng thoáng, một bên là sườn dốc rừng rậm, bên dưới là ngã ba nơi 2 con suối (khe Rào Àn và khe An Bún) gặp nhau, cảnh quan khu vườn Giác ngộ vừa đa sắc thái vừa thể hiện nguyên tác bản tính ngoạn mục của vùng đại ngàn nơi đây.

b. Các phương thức tổ chức thực hiện

Sau khi phương án quản lý rừng bền vững của đơn vị được phê duyệt, đơn vị sẽ xây dựng Đề án du lịch sinh thái trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến sẽ liên kết với các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước có năng lực, nhu cầu và mục đích để tổ chức kinh doanh du lịch sinh thái. Trong hoạt động liên kết, Trung tâm CHESH sẽ xây dựng một quy chế hết sức chặt chẽ, trong đó xác định những nội dung nòng cốt phải do Trung tâm CHESH đảm nhiệm, chịu trách nhiệm chính để mọi hợp tác và liên kết sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, đến cảnh quan môi trường sinh thái và công tác bảo vệ, phát triển rừng. Phương án thực hiện cụ thể đơn vị sẽ xây dựng Đề án du lịch sinh thái trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện theo quy định của pháp luật.

c. Khu vực dự kiến xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch sinh thái trải nghiệm hành vi hướng thiện môi trường

Khu vực dự kiến xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch sinh thái đơn vị sẽ thể hiện chi tiết theo Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xây dựng các công trình phải thực hiện đảm bảo theo quy định về xây dựng và tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến diện tích rừng hiện có, không chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chỉ

thực hiện trên các khoảng trống có sẵn trong hoặc ven rừng. Hoặc tu sửa các công trình đơn vị đã xây dựng từ trước khi rừng được hình thành.

4.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.

- Duy tu bảo dưỡng đường, tên tuyến, thời gian thực hiện: đường vận hành nội bộ hiện có trong rừng, kể cả cống và tràn thoát nước: với tổng chiều dài tất cả các tuyến 6 km, mặt đường rộng 3 - 6 m, nền đất tự nhiên, một số đoạn trũng thấp lầy lội gia cố mặt đường bằng cấp phối cuội sỏi sông suối có lu lèn. Thời gian thực hiện: hàng năm, bắt đầu từ mùa khô 2022.

- Xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ quản lý gồm:

+ Bảo dưỡng, sửa chữa văn phòng quản lý gồm nhà làm việc, nhà ở, nhà ăn: 18 nhà, tổng diện tích sử dụng 2.700 m². Trong đó: Nhà gỗ kiểu truyền thống, cấp IV: 11 nhà, diện tích 1.500 m²; Nhà sàn gỗ truyền thống dân tộc Thái: 7 nhà, diện tích 1.200 m².

+ Trạm bảo vệ rừng: 3 trạm, diện tích 300 m². Trong đó có di chuyển và xây mới lại trạm bảo vệ tại cổng chính Rào Àn.

+ Nhà vệ sinh: xây dựng mới 03 nhà, sửa chữa nâng cấp 01 .

+ Bảo dưỡng 01 trạm biến áp điện. Sửa chữa thay thế nâng cấp hệ thống điện sinh hoạt/điện thấp sáng, camera bảo vệ toàn khu vực.

+ Duy tu, sửa chữa, nâng cấp 06 hệ thống đập, ao, hồ chứa nước, tạo độ ẩm cho rừng vừa để phòng cháy và chữa cháy khi cần.

+ Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp 2 km tuyến hàng rào tiếp giáp với khu dân cư đội 9 Sơn Kim 1 và các vị trí xung yếu.

+ Xây dựng 02 chòi canh có thể quan sát bao quát toàn bộ khu vực rừng HEPA và xung quanh. Chòi xây dựng kiên cố bằng kết cấu thép, cao 10 - 12 m, thời gian thực hiện trong năm 2022.

+ Sửa chữa và làm mới 20 bảng về nội quy, cảnh báo vi phạm, cấp báo cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng...

- Xây dựng lại hệ thống hàng rào vườn ươm với chiều dài khoảng 400 m, tại khu vườn ươm Rào Àn.

4.7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng địa phương vùng kề cận:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững cho cộng đồng địa phương vùng đệm.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi động vật có giá trị kinh tế cao, thích ứng biến đổi khí hậu cho cộng đồng thôn bản.

- Hỗ trợ tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cộng đồng tham gia kinh doanh du lịch tại cộng đồng.

4.8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thu môi trường rừng

Đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

4.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Tuyên truyền, giáo dục cho người dân địa phương, khách du lịch, học sinh, sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng, PCCR ở địa phương. Đồng thời tuyên truyền giúp người dân ý thức được mục tiêu bảo tồn các giá trị về ĐDSH, tài nguyên thiên nhiên là trách nhiệm của toàn dân, toàn xã hội từ đó góp phần hạn chế các hoạt động xâm phạm vào tài nguyên rừng và thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương.

- In ấn, xuất bản các tài liệu giới thiệu về tài nguyên động thực vật rừng từng khu vực rừng cũng như trên toàn tỉnh.

- Lập kế hoạch và tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BVR, bảo tồn ĐDSH, PCCR.

4.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

- Chủ động theo dõi, cập nhật các biến động về rừng và đất Lâm nghiệp trên lâm phần được giao quản lý để báo cáo Hạt Kiểm lâm Hương Sơn theo quy định; đồng thời, phối hợp kiểm tra, xác minh hiện trường khi hạt Kiểm lâm có yêu cầu và thực hiện cập nhật trên hồ sơ quản lý của đơn vị theo đúng quy định.

- Cập nhật, bổ sung khi phát hiện mới các loài động vật, thực vật rừng trong diện tích đơn vị quản lý.

V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.

Tổng số tiền cần thiết để đầu tư: 28.027 triệu đồng.

1. Phân theo hạng mục:

- Hạng mục vào vệ rừng: 932 triệu đồng.

- Hạng mục phát triển rừng: 1.215 triệu đồng.

- Xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng: 22.180 triệu đồng.

- Nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực: 3.600 triệu đồng.

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững: 100 triệu đồng.

2. Phân theo nguồn vốn: Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao tự chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp theo quy định, đơn vị không đề xuất nguồn kinh phí bảo vệ và phát triển rừng từ nguồn Ngân sách cụ thể:

a. Vốn đơn vị tự có: 2.247 triệu đồng chiếm 8%.

b. Vốn liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư: 11.300 triệu đồng, chiếm 40,3%.

c. Vốn hỗ trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước: 14.480 triệu chiếm 51,7%.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN:

Phương án quản lý bền vững của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao được triển khai thực hiện thông qua hệ thống các giải pháp về công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn ĐDSH; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực; phối hợp với các bên liên quan; khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường; nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư; giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; hợp tác quốc tế.

(có hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững kèm theo).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

1. Kết luận

Phương án quản lý rừng bền vững của Trung tâm Nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao được xây dựng đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung đã được xác định trong phương án là: Quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển rừng trên diện tích đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất được giao theo quy chế quản lý rừng đặc dụng phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học.

- Rừng của Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao sẽ được quản lý, bảo vệ và phát triển tốt đáp ứng mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển các loài động, thực vật bản địa, quý hiếm theo 7 nguyên tắc trong quản lý rừng bền vững. Đồng thời qua đó tăng cường chức năng phòng hộ rừng đầu nguồn sông Ngàn Phố.

- Phù hợp với định hướng phát triển chung của địa phương, trong đó phát huy được những tiềm năng lợi thế sẵn có để phát triển trải nghiệm sinh thái và nâng cao hành vi hướng thiện môi trường kết hợp nghỉ dưỡng là việc làm cụ thể góp phần thiết thực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, giúp ổn định tình hình chính trị, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Kiến nghị

Đề nghị UBND tỉnh phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững để Trung tâm sinh thái nhân văn vùng cao tổ chức thực hiện./.

(Có dự thảo Quyết định kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Phòng KH-TC;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Hạt KL Hương Sơn;
- Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt